

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Ông Lê Hữu Tịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Hương	Thành viên
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Lê Văn Danh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2013)
Ông Nguyễn Văn Soái	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/01/2013)
Ông Trần Trung Tuấn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/01/2013)
Bà Nguyễn Thị Thùy	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Quỳnh Tâm	Phó Giám đốc
Ông Trương Minh Tiến	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Minh Chương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên
Bà Ngô Thị Ty	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



NGUYỄN VĂN SOÀI

Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		227.757.866.000	304.620.790.975
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	04	47.273.482.609	59.994.834.386
1. Tiền	111		47.273.482.609	59.994.834.386
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	05	23.175.000.000	23.175.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.175.000.000	23.175.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		73.825.018.618	71.091.524.404
1. Phải thu khách hàng	131		72.818.643.920	69.973.898.792
2. Trả trước cho người bán	132		616.130.741	962.805.736
5. Các khoản phải thu khác	138	06	909.577.643	674.153.562
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(519.333.686)	(519.333.686)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	07	81.596.935.476	141.770.554.981
1. Hàng tồn kho	141		81.596.935.476	141.770.554.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.887.429.297	8.588.877.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		527.423.623	689.482.534
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.252.622.572	7.733.885.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		13.810.765	18.265.869
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		93.572.337	147.243.123
B. Tài sản dài hạn	200		307.432.203.740	303.775.429.775
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		84.127.411.217	80.655.438.735
1. TSCĐ hữu hình	221	08	63.646.374.113	56.087.880.671
- Nguyên giá	222		98.780.343.447	89.719.144.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.133.969.334)	(33.631.263.720)
3. TSCĐ vô hình	227	09	9.230.637.958	9.318.675.094
- Nguyên giá	228		9.482.066.905	9.482.066.905
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(251.428.947)	(163.391.811)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	11.250.399.146	15.248.882.970
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	11	389.055.287	395.433.245
1. Nguyên giá	241		739.785.948	739.785.948
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(350.730.661)	(344.352.703)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		109.080.211.767	109.080.211.767
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	109.481.175.000	109.481.175.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(400.963.233)	(400.963.233)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		113.835.525.469	113.644.346.028
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	108.061.245.469	110.370.066.028
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	5.774.280.000	3.274.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		535.190.069.740	608.396.220.750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		277.782.146.269	344.117.106.657
I. Nợ ngắn hạn	310		269.938.311.180	335.082.813.114
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	184.573.811.032	266.050.775.977
2. Phải trả cho người bán	312		68.323.521.413	50.759.308.012
3. Người mua trả tiền trước	313		4.900.593.840	3.977.598.500
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	5.817.579.847	6.306.724.624
5. Phải trả công nhân viên	315		1.104.364.677	3.069.640.204
6. Chi phí phải trả	316	17	279.953.590	361.167.831
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	4.463.386.512	3.956.932.447
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		475.100.269	600.665.519
II. Nợ dài hạn	330		7.843.835.089	9.034.293.543
3. Phải trả dài hạn khác	333		313.314.000	321.814.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	7.431.447.607	8.623.735.062
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		99.073.482	88.744.481
B. Vốn chủ sở hữu	400		222.422.512.997	229.372.450.057
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	222.422.512.997	229.372.450.057
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		213.437.600.000	213.437.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.064.000.000	2.064.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.017.778.842	4.017.778.842
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.127.976.708	2.127.976.708
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.069.547.390	1.069.547.390
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(294.389.943)	6.655.547.117
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		34.985.410.474	34.906.664.036
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		535.190.069.740	608.396.220.750



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc
Ngày 14 tháng 5 năm 2013

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

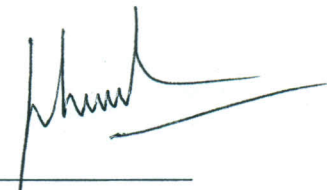
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2013	Quý 1/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		750.987.908.162	707.913.963.456
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	750.987.908.162	707.913.963.456
4. Giá vốn hàng bán	11	22	734.894.050.833	692.112.457.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.093.857.329	15.801.506.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	331.964.432	600.352.606
7. Chi phí tài chính	22	24	7.284.151.561	4.589.883.487
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.284.151.561	4.589.883.487
8. Chi phí bán hàng	24	25	12.090.195.889	9.041.581.501
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	3.715.689.112	3.642.348.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.664.214.801)	(871.954.746)
11. Thu nhập khác	31		185.311.418	102.901.246
12. Chi phí khác	32		97.655.496	73.683.347
13. Lợi nhuận khác	40		87.655.922	29.217.899
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.576.558.879)	(842.736.847)
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	27	74.631.743	434.599.576
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.651.190.622)	(1.277.336.423)
Phân bổ cho:				
17.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số			78.746.438	604.310.710
17.2. Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ			(6.729.937.060)	(1.881.647.133)



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc
Ngày 14 tháng 5 năm 2013


Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/3/2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2013	Quý 1/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(6.576.558.879)	(842.736.847)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	1.668.465.212	1.298.729.856
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(293.657.096)	(494.382.336)
Chi phí lãi vay	6	7.284.151.561	4.589.883.487
2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	8	2.082.400.798	4.551.494.160
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	3.805.894.782	(7.494.016.574)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	60.173.619.505	(23.726.119.800)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	16.385.601.923	(24.351.543.239)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.470.879.470	(1.374.706.939)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.284.151.561)	(4.589.883.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(220.376.404)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.625.565.250)	(483.891.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.788.303.263	(57.468.667.347)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(5.177.715.232)	(1.739.807.323)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	41.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	296.312.592	494.382.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.840.402.640)	(1.245.424.987)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	390.767.729.000	676.491.227.615
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(473.436.981.400)	(618.410.547.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(82.669.252.400)	58.080.680.115
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.721.351.777)	(633.412.219)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.994.834.386	34.207.285.568
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	47.273.482.609	33.573.873.349



Nguyễn Văn Soái
Giám đốc
Ngày 14 tháng 5 năm 2013

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000608 ngày 08/12/2008 và giấy phép điều chỉnh lần thứ 04 ngày 31/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 95A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 213.437.600 đồng.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng và tuân theo các quy định hiện hành của Luật Chứng khoán đối với các công ty đại chúng theo Quyết định số 238/CQĐĐ-NV ngày 24/10/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu gồm:

- Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn máy móc ngành công, nông, lâm nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện;
- Bán buôn, bán lẻ sắt, thép, phụ tùng bếp gas, bếp gas;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Quảng cáo, đại lý bưu điện;
- Bán buôn, bán lẻ rượu, bia, nước giải khát;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Sửa chữa trụ bom xăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Trạm xăng dầu Nhơn Trạch	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
2. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phước Bình	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
3. Chi nhánh Trạm xăng dầu Long Tân	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thạnh	QL20, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
5. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tín Thành	QL1, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
6. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thọ	ấp Thọ Chánh, tỉnh lộ 763, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
7. Chi nhánh Trạm xăng dầu Túc Trung	ấp Đồn Điền 1, QL20, xã Túc Trung, huyện Định Quán, Đồng Nai
8. Chi nhánh Trạm xăng dầu 34	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
9. Chi nhánh Trạm xăng dầu 35	QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
10. Chi nhánh Trạm xăng dầu 97	QL1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
11. Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Khánh	QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
12. Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Bình Tân	QL51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
13. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phú Lý	Số 177, tỉnh lộ 761, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
14. Chi nhánh Trạm xăng dầu Bàu Hàm	Số 15/02A, xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
15. Chi nhánh Trạm xăng dầu Vĩnh An	KP5, tỉnh lộ 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
16. Chi nhánh Trạm xăng dầu Cầu Mới	Số ¼ Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
17. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Bình	ấp Bình Phước, tỉnh lộ 768, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
18. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Tiến	KP7, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
19. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Phong	Số 126, đường Đồng Khởi, phường Trảng Dài, Đồng Nai
20. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Hòa	KP5, QL1, phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
21. Chi nhánh Trạm xăng dầu Thạnh Phú	ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
22. Chi nhánh Trạm xăng dầu Sông Trầu	ấp 7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
23. Chi nhánh Trạm xăng dầu ICD Biên Hòa	Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
24. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thành	Tỉnh lộ 766, ấp Tân Hợp, Xuân Lộc, Đồng Nai
25. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thịnh	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai
26. Chi nhánh Trạm xăng dầu Hiệp Phước	Đường 25C, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/3/2013 bao gồm:

Tổng số các công ty con: 02 công ty, trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất trong kỳ:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa 1	TP Biên Hòa	100,00%	100,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty CP Bất Động Sản Thống Nhất	TP Biên Hòa	53,65%	53,65%	Kinh doanh bất động sản

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư của công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa được thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản chính đó

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị số các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Quyền sử dụng đất	10 – 50

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tang giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát sinh trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Về giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất hình thành trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được phân bổ đều trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thời gian bắt đầu phân bổ theo tiêu thức trên tính từ năm 2012. Riêng giá trị phân bổ trong năm đầu tiên được xác định bằng số chi phí phân bổ đều từ một năm trừ đi số chi phí đã tạm phân bổ trong các năm trước đây khi chưa có hướng dẫn cụ thể nêu trên của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau (đơn vị tính: đồng):

- Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất tính đến thời điểm 31/12/2012	118.413.000.000
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý sẽ điều chỉnh giảm theo Công văn 3849/CV/TU ngày 20/12/2012 của Tỉnh ủy Đồng Nai (*)	27.822.875.000
- Giá trị sau điều chỉnh giảm theo Công văn 3849-CV/TU ngày 20/12/2012 của Tỉnh ủy Đồng Nai (*)	90.590.000.000
- Giá trị phân bổ hàng năm theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính (10 năm)	9.059.000.000
- Tổng giá trị đã phân bổ trước năm 2012	6.899.071.667
- Giá trị đã phân bổ trong năm 2012	2.159.928.333
- Giá trị đã phân bổ trong Quý 1 năm 2013	2.264.753.125

(*) Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán sau khi Tổng Công ty Tín Nghĩa (Công ty mẹ) hoàn tất thủ tục cần thiết theo luật định để giảm phần vốn góp tại Công ty theo Công văn số 3849-CV/TU.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu kinh doanh bất động sản phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	9.262.332.041	4.891.861.002
Tiền gửi ngân hàng	38.011.150.568	55.102.973.384
Cộng	<u>47.273.482.609</u>	<u>59.994.834.386</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á vay ngắn hạn (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Cho Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa vay ngắn hạn (**)	8.175.000.000	8.175.000.000
Cộng	<u>23.175.000.000</u>	<u>23.175.000.000</u>

Chi tiết cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng số 05/2013/HĐKT ngày 28/02/2013 với Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(**) Hợp đồng số 06/2013/HĐKT ngày 28/02/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.175.000.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính quý 1 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	48.752.260	41.337.636
Phải thu Sản giao dịch Bất động sản Tín Nghĩa - Tổng Công ty Tín Nghĩa về tiền thu hộ khách hàng góp vốn nền nhà	447.624.992	447.624.992
Các khoản phải thu khác	413.200.391	185.190.934
Cộng	<u>909.577.643</u>	<u>674.153.562</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công cụ dụng cụ	324.722.559	264.340.559
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Bất động sản "Khu chợ và Phố chợ" tại huyện Thống Nhất, Đồng Nai	25.113.025.509	24.054.631.309
Hàng hóa	56.159.187.408	117.451.583.113
Cộng	<u>81.596.935.476</u>	<u>141.770.554.981</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>81.596.935.476</u>	<u>141.770.554.981</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc, thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị quản lý <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	51.779.098.945	14.851.213.689	22.753.889.556	334.942.202	89.719.144.391
Tăng trong kỳ	8.679.307.580	485.182.385	11.709.091	-	9.176.199.056
- Mua sắm mới	-	35.000.000	11.709.091	-	46.709.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.679.307.580	450.182.385	-	-	9.129.489.965
Thanh lý	-	-	(115.000.000)	-	(115.000.000)
Tại ngày 31/3/2013	<u>69.137.714.105</u>	<u>15.821.578.459</u>	<u>22.662.307.738</u>	<u>334.942.202</u>	<u>98.780.343.447</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	15.162.592.916	9.623.304.844	8.645.320.647	200.045.314	33.631.263.720
Khấu hao trong kỳ	636.644.386	375.858.845	545.105.110	16.441.777	1.574.050.118
Thanh lý	-	-	(71.344.504)	-	(71.344.504)
Tại ngày 31/3/2013	<u>15.799.237.302</u>	<u>9.999.163.689</u>	<u>9.119.081.253</u>	<u>216.487.091</u>	<u>35.133.969.334</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	<u>36.616.506.029</u>	<u>5.227.908.845</u>	<u>14.108.568.909</u>	<u>134.896.888</u>	<u>56.087.880.671</u>
Tại ngày 31/3/2013	<u>53.338.476.803</u>	<u>5.822.414.770</u>	<u>13.543.226.485</u>	<u>118.455.111</u>	<u>63.646.374.113</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Tổng cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	9.482.066.905	9.482.066.905
Tại ngày 31/3/2013	<u>9.482.066.905</u>	<u>9.482.066.905</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	163.391.811	163.391.811
Khấu hao trong kỳ	88.037.136	88.037.136
Tại ngày 31/3/2013	<u>251.428.947</u>	<u>251.428.947</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	<u>9.318.675.094</u>	<u>9.318.675.094</u>
Tại ngày 31/3/2013	<u>9.230.637.958</u>	<u>9.230.637.958</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/3/2013 <u>VNĐ</u>	01/01/2013 <u>VNĐ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	5.539.389.332	9.537.873.156
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 1	12.600.000	12.600.000
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 2	13.200.000	13.200.000
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Cầu Mới	-	2.524.233.636
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Hưng Thịnh	-	2.635.217.657
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Hiệp Phước	4.370.087.836	404.984.729
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Xuân Thành	-	3.211.363.963
- Công trình Xây dựng Nhà làm việc Công ty CP BĐS Thống Nhất	952.634.656	693.860.876
- Công trình Xây dựng các trạm xăng dầu khác	190.866.840	42.412.295
Mua sắm tài sản cố định	5.711.009.814	5.711.009.814
- Quyền sử dụng đất tại Hiệp Hòa	5.711.009.814	5.711.009.814
	<u>11.250.399.146</u>	<u>15.248.882.970</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	739.785.948	739.785.948
Tại ngày 31/3/2013	739.785.948	739.785.948
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	344.352.703	344.352.703
Khấu hao trong kỳ	6.377.958	6.377.958
Tại ngày 31/3/2013	350.730.661	350.730.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	<u>395.433.245</u>	<u>395.433.245</u>
Tại ngày 31/3/2013	<u>389.055.287</u>	<u>389.055.287</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/3/2013 VNĐ	01/01/2013 VNĐ
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Á	106.750.000.000	106.750.000.000
Công ty TNHH MTV TM Kỹ thuật và Đầu tư	2.093.175.000	2.093.175.000
Công ty CP Du lịch Đồng Thuận	638.000.000	638.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(400.963.233)	(400.963.233)
Cộng	<u>109.080.211.767</u>	<u>109.080.211.767</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính quý 1 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	110.370.066.028	112.414.695.624
Tăng trong kỳ	-	219.347.463
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.308.820.559)	(2.263.977.059)
Tại ngày 31 tháng 3	<u>108.061.245.469</u>	<u>110.370.066.028</u>
Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất dùng làm trạm xăng dầu (*)	107.089.234.375	109.353.987.500
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng (**)	972.011.093	1.016.078.528
	<u>108.061.245.469</u>	<u>110.370.066.028</u>

(*) Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được hình thành từ việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và đang được phân bổ 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thời gian bắt đầu phân bổ từ năm 2012.

(**) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của những khu đất thuê làm trạm xăng dầu, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng nhất quán theo thời gian thuê đất.

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thế chấp, ký cược dài hạn	5.774.280.000	3.274.280.000
Cộng	<u>5.774.280.000</u>	<u>3.274.280.000</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương tỉnh Đồng Nai (1)	53.265.280.000	73.254.074.400
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai (2)	56.873.230.000	82.309.550.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đồng Nai (3)	60.187.010.000	97.163.500.000
- Tổng Công ty Tín Nghĩa (4)	9.344.287.268	9.344.287.268
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.904.003.764	3.979.364.309
Cộng	<u>184.573.811.032</u>	<u>266.050.775.977</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 2009038 ngày 02/11/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 14% - 17%;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh vay vốn không hủy ngang vô điều kiện do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành cho toàn bộ nợ gốc và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 2012049/KHDN/NHNT ngày 21/6/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Phục vụ việc sản xuất kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 02 tháng theo từng lần nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có.

(2) Hợp đồng tín dụng số 222 tháng 9/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành ngày 17/9/2012 cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa và toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa.

(3) Hợp đồng tín dụng số 214.12.720.838318 ngày 26/12/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 125.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 31/10/2013;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành ngày 17/9/2012 cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa. Hàng hóa luân chuyển là xăng dầu lưu kho tại Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM và 10.675.000 Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đại Á.

(4) Khoản vay của Tổng Công ty Tín Nghĩa, khoản vay này không quy định thời hạn trả nợ, không phải thế chấp và bắt đầu tính lãi theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.808.207.792	6.299.018.337
Thuế thu nhập cá nhân	9.325.390	7.706.287
Các loại thuế khác	46.665	-
Cộng	<u>5.817.579.847</u>	<u>6.306.724.624</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trích trước chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng	84.317.225	84.317.225
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2013 phải trả	195.636.365	246.636.365
Chi phí lãi vay phải trả	-	30.214.241
Cộng	<u>279.953.590</u>	<u>361.167.831</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	5.834.564
Kinh phí công đoàn	377.343.584	109.877.045
Phải trả BHXH, BHYT	9.353.337	22.159.100
Phải trả khác Tổng Công ty Tín Nghĩa	1.624.761.022	1.366.619.685
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.141.831.783	2.144.037.917
Phải trả phí vận chuyển xăng dầu	147.675.000	174.209.881
Các khoản phải trả khác	162.421.786	134.194.255
Cộng	<u>4.463.386.512</u>	<u>3.956.932.447</u>

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/3/2013	01/01/2013
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Nai (1)	6.331.447.607	7.523.735.062
Ngân hàng TMCP Đại Á (2)	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	<u>7.431.447.607</u>	<u>8.623.735.062</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 2010051/KHDN/NHNT-DA ngày 07/10/2010, với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bồn;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến ngày 31/3/2013 là 14%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng 04 xe bồn hình thành từ vốn vay.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 2011050/DA/KHDN ngày 21/11/2011, với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 6.500.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án trạm xăng dầu Gia Canh và Cầu Trắng;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến ngày 31/3/2013 là 14%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2.

(1.3) Hợp đồng tín dụng số 2012002/DA/KHDN ngày 08/02/2012, với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.550.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua lại trạm xăng dầu Thắng Lợi 3;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến ngày 31/3/2013 là 14%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp trạm xăng dầu Định Quán 3.

(2) Hợp đồng tín dụng số TD09/0345/HS ngày 01/9/2009, với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.400.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bồn;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng, thay đổi 03 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 0,3%/tháng, lãi suất đến thời điểm 31/3/2013 là 15,4%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp 04 xe bồn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

Số 95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B09-DN**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn chủ sở hữu VND	Vốn khác của Vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	213.437.600.000	2.064.000.000	3.517.778.842	2.127.976.708	919.592.183	10.093.558.501	232.160.506.234
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.293.033.155	8.293.033.155
Trích lập các quỹ	-	-	500.000.000	-	149.955.207	(965.246.622)	(315.291.415)
Chi trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(10.671.880.000)	(10.671.880.000)
Chi trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(93.917.917)	(93.917.917)
Tại ngày 31/12/2012	213.437.600.000	2.064.000.000	4.017.778.842	2.127.976.708	1.069.547.390	6.655.547.117	229.372.450.057
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(6.729.937.060)	(6.729.937.060)
Trích quỹ	-	-	-	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/3/2013	213.437.600.000	2.064.000.000	4.017.778.842	2.127.976.708	1.069.547.390	(294.389.943)	222.422.512.997

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/3/2013 VND	Tỷ lệ (%)	Tại ngày 01/01/2013 VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Tín Nghĩa	173.437.600.000	81,26%	173.437.600.000	81,26%
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Toàn Thắng	8.979.800.000	4,21%	8.979.800.000	4,21%
Cổ đông khác	31.020.200.000	14,53%	31.020.200.000	14,53%
	213.437.600.000	100,00%	213.437.600.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/3/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.343.760	21.343.760
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu phổ thông	21.343.760	21.343.760
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu phổ thông	21.343.760	21.343.760
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 (VNĐ)		

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán xăng dầu	731.886.224.688	681.597.715.271
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	8.242.738.058
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	19.101.683.474	18.073.510.127
	<u>750.987.908.162</u>	<u>707.913.963.456</u>
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	<u>750.987.908.162</u>	<u>707.913.963.456</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn xăng dầu đã cung cấp	718.393.784.550	668.625.518.093
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	7.135.372.863
Giá vốn vật liệu xây dựng và giá vốn khác	16.500.266.283	16.351.566.485
Cộng	<u>734.894.050.833</u>	<u>692.112.457.441</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	296.312.592	494.382.336
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	21.620.220	105.970.270
Khác	14.031.620	-
Cộng	<u>331.964.432</u>	<u>600.352.606</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	7.284.151.561	4.589.883.487
Cộng	<u>7.284.151.561</u>	<u>4.589.883.487</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ đồ dùng	134.112.402	101.699.766
Chi phí nhân công	5.741.604.055	5.407.181.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.263.590.774	804.816.033
Phân bổ lợi thế thương mại	2.264.753.124	592.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.650.520.107	1.232.709.763
Chi phí bằng tiền khác	1.035.615.427	903.109.219
Cộng	12.090.195.889	9.041.581.501

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ đồ dùng	115.971.409	41.482.879
Chi phí nhân công	2.300.828.496	2.255.757.384
Chi phí khấu hao TSCĐ	99.691.578	98.218.488
Thuế, phí, lệ phí	22.073.370	31.913.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.362.701	354.571.965
Chi phí bằng tiền khác	775.761.558	860.404.071
Cộng	3.715.689.112	3.642.348.379

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I 2013	Quý I 2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	74.631.743	434.599.576
	74.631.743	434.599.576

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I/ 2013	Quý I/ 2012
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	734.894.050.833	692.112.457.441
Chi phí nhân công	8.042.432.551	7.662.939.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.363.282.352	903.034.521
Phân bổ lợi thế thương mại	2.264.753.124	592.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.882.808	1.587.281.728
Chi phí khác	1.833.450.355	1.795.426.882
	750.449.852.023	704.653.204.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

29. BIẾN ĐỘNG VỀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Khoản lỗ của Quý 1/2013 là 6.651.190.622 đồng, tăng 421% so với khoản lỗ của cùng kỳ năm trước (1.277.336.423 đồng). Điều này chủ yếu là do sự gia tăng của chi phí lãi vay và chi phí bán hàng của kỳ này.

- Chi phí lãi vay tăng 2.694.268.074 đồng, tương ứng 59% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí bán hàng tăng 3.048.614.388 đồng, tương ứng 34% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó chủ yếu là do chi phí phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp tăng 1.672.688.124 đồng, tương ứng 283%. Điều này do Công ty thay đổi thời gian phân bổ vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 hướng dẫn cụ thể về thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	31/3/2013		01/01/13	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.273.482.609	-	59.994.834.386	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.728.221.563	(519.333.686)	70.648.052.354	(519.333.686)
Các khoản cho vay	23.175.000.000	-	23.175.000.000	-
Đầu tư dài hạn	109.481.175.000	(400.963.233)	109.481.175.000	(400.963.233)
Tổng cộng	253.657.879.172	(920.296.919)	263.299.061.740	(920.296.919)

	Giá trị ghi sổ	
	31/3/2013 VNĐ	01/01/2013 VNĐ
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	192.005.258.639	274.674.511.039
Phải trả người bán và phải trả khác	72.786.907.925	54.716.240.459
Chi phí phải trả	279.953.590	361.167.831
Tổng cộng	265.072.120.154	329.751.919.329

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- *Phải thu khách hàng:* Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.
- *Tiền gửi ngân hàng:* Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 năm - 05 năm	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/3/2013			
Các khoản vay	184.573.811.032	7.431.447.607	192.005.258.639
Phải trả người bán và phải trả khác	72.786.907.925	-	72.786.907.925
Chi phí phải trả	279.953.590	-	279.953.590
Cộng	257.640.672.547	7.431.447.607	265.072.120.154
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay	266.050.775.977	8.623.735.062	274.674.511.039
Phải trả người bán và phải trả khác	54.716.240.459	-	54.716.240.459
Chi phí phải trả	361.167.831	-	361.167.831
Cộng	321.128.184.267	8.623.735.062	329.751.919.329
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/3/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.273.482.609	-	47.273.482.609
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.728.221.563	-	73.728.221.563
Các khoản cho vay	23.175.000.000	-	23.175.000.000
Đầu tư dài hạn	-	109.481.175.000	109.481.175.000
Cộng	144.176.704.172	109.481.175.000	253.657.879.172
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.994.834.386	-	59.994.834.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.648.052.354	-	70.648.052.354
Các khoản cho vay	23.175.000.000	-	23.175.000.000
Đầu tư dài hạn	-	109.481.175.000	109.481.175.000
Cộng	153.817.886.740	109.481.175.000	263.299.061.740

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	Mối quan hệ	Quý I 2013	Quý I 2012
		<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	143.721.479	-
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	33.424.457	-
Công ty CP Tín Khải	Công ty liên kết TCT	6.791.818	-
Công ty CP Cảng Container Đồng Nai - ICD Đồng Nai	Công ty con của TCT	7.386.955	-
Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa	Công ty con của TCT	359.935.409	-
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	3.287.980.336	-
Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	22.336.361.459	23.437.590.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Ngân hàng TMCP Đại Á	Công ty liên kết TCT	486.859.187	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	230.440.727	-
Công ty TNHH MTV Đá Grannite Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	58.040.835	-
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	Công ty con của TCT	25.448.318	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	Công ty con của TCT	99.016.921	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	8.253.858	-
Công ty CP Cầu kiện Bê tông DIC Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	1.788.864	-
Công ty CP KCN Tín Nghĩa Phương Đông	Công ty con của TCT	11.743.364	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	1.367.955	-
Công ty TNHH Quản lý Dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	18.103.000	-

Mua hàng

Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	32.720.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	118.000.000	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	128.731.232	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	20.876.364	-
Ngân hàng TMCP Đại Á	Công ty liên kết TCT	161.383.025	-
Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	127.672.727	-
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	2.153.154.181	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/3/2013 như sau:

		31/3/2013	31/3/2012
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu			
Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	27.420.000	3.415.590.000
Công ty TNHH Quản lý Dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	88.400.000
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	502.914.400
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	85.580.000	85.580.000
Công ty CP Cầu kiện Bê tông DIC Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	158.320.184	-
Phải trả			
Công ty TNHH MTV Quản lý dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	8.400.000	96.800.000
Công ty TNHH MTV KDXD Tín Nghĩa	Công ty con	-	53.626.590
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	947.001.012	-
Phải trả khác			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	1.624.761.022	209.210.261
Phải trả tiền vay			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	9.344.287.268	10.616.518.781
Ngân hàng TMCP Đại Á	Công ty liên kết TCT	2.200.000.000	2.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho thời kỳ tài chính Quý I năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Nguyễn Văn Soái

Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2013

Kế toán trưởng